

LÝ LUẬN VÀ SỰ THẬT CỦA VIỆC SIÊU ĐỘ

Người giảng: Lão Hòa Thượng Tịnh Không

Cẩn dịch: Vọng Tây cư sĩ

Biên tập: PT. Giác Minh Duyên

Tháng bảy âm lịch là tháng cô hồn. Rất nhiều quỷ quái trong âm gian địa phủ xuất hiện ở nhân gian. Vì vậy trong tháng này, việc Phật sự siêu độ theo đó cũng rất bận rộn.

Một số thắc mắc được đặt ra: “Liệu việc siêu độ rốt cuộc có hiệu quả hay không? Việc siêu độ có nhất thiết phải do người xuất gia thực hiện hay không?”

Nhà Phật có phương pháp và lý luận của việc siêu độ rất hợp tình, hợp lý và hợp pháp. Thế nhưng cách thức siêu độ quy mô lớn này lại không thường thấy trong Phật giáo nguyên thủy. Ngay trong kinh điển đại thừa Trung Quốc phiên dịch, ghi chép việc này rất rõ ở “Địa Tạng Bồ tát bốn nguyện kinh”. Trong kinh cho thấy nữ Bà la môn, nữ Quang Mục đều là người trẻ tuổi hiếu thảo. Cha mẹ của họ do thiếu tri thức đã tạo nhiều nghiệp tội phải đọa vào ba đường ác.

Chúng sinh tạo tác nghiệp tội, gieo nhân lúc sinh thời

Đức Phật nói, mười pháp giới là cảnh giới hư huyền, do vọng tưởng phân biệt chấp trước của chúng sinh mà biến hiện ra. Cũng giống như trong mộng, cảnh giới trong mộng tuy không thật, nhưng không thể nói nó không có. Tình trạng sáu cõi cũng vậy, do vọng tưởng, phân biệt, cộng thêm chấp trước nghiêm trọng liền biến hiện ra tướng sáu cõi luân hồi. Hay nói cách khác, nếu chúng sinh không vọng tưởng, phân biệt chấp trước, không những không có lục đạo, mà mười pháp giới cũng không có. Vì vậy đức Phật nói, những hiện tượng này như mộng huyền, và những hư ảo này chỉ tồn tại khoảng thời gian không lâu. Đức Phật lại nêu ra một ví dụ “Nhu sương cũng như điện”. Sương là giọt sương tan biến khi mặt trời xuất hiện, thời gian tồn tại của nó không dài. Điện là tia chớp, thời gian tồn tại càng ngắn hơn. Trong kinh Bát Nhã, đức Phật cũng đem chân tướng sự thật này nói rất rõ ràng tường tận. Lý luận và phương pháp siêu độ cũng không rời khỏi nguyên lý này.

Tất cả nghiệp tội đều do chấp trước mà phát sinh. Trong sáu cõi lại xuất hiện ra cảnh giới của ba đường ác. Tuy là ảo vọng không thực, nhưng cảm nhận đau khổ là thật. Ví như người trong mộng thấy mộng, mộng là giả, trong mộng nếu gặp hổ muốn ăn thịt, thì người nằm mộng cũng sẽ khiếp vía toát cả mồ hôi. Khi tỉnh mộng, tâm vẫn còn sợ hãi. Cảnh giới hư ảo nhưng cảm thọ lại thật. Sống trong ác đạo phải thọ những khổ đau này. Kinh điển có ghi chép, A La Hán là người đắc đạo, không phải phạm phu. Phạm phu chúng ta không thể nhớ được chuyện quá khứ, nhưng A La Hán có thể nhớ được hành vi tạo tác trong năm trăm kiếp quá khứ, bao gồm những việc khổ vui đã nhận chịu, hoặc ngay trong năm trăm đời đã từng đọa địa ngục. Đức Phật giảng kinh thuyết pháp

cũng nhắc đến hoàn cảnh trong địa ngục khiến người ngồi nghe, tâm còn run sợ, thậm chí toàn thân rướm máu.

Phương thức quy nạp nghiệp nhân trong mười pháp giới

Đức Phật dạy người không vọng ngữ, bản thân ngài tuyệt nhiên không vọng ngữ, mỗi câu đều là chân tướng sự thật. Do đó phải tin rằng ba đường ác vô cùng đáng sợ. Người tạo ác nghiệp sẽ chiêu cảm cảnh giới ba đường ác: địa ngục, ngã quý, súc sinh. Không phải Diêm La Vương bắt cũng không phải Phật Bồ tát trừng phạt. Phật Bồ tát đại từ đại bi, tuyệt đối không trừng phạt người ác. Đức Phật vẫn nói “tự làm tự chịu”, mỗi người tự tạo loại nghiệp thì tự nhiên sẽ cảm được quả báo, nhân quả nghiệp báo vô cùng phức tạp. Ngài có thể giảng rõ ràng, nhưng lý cao sâu, chúng sinh không thể tiếp thu cũng không có tuổi thọ dài để lĩnh hội. Cho nên ngài dạy chúng sinh chọn lấy phương pháp tự nhiên đơn giản, đó là phương pháp quy nạp. Đức Phật quy nạp nghiệp nhân trong mười pháp giới, từ thấp từng bậc từng bậc mà giảng lên cao.

- Nghiệp nhân của địa ngục: là sân hận, tâm sân cảm địa ngục. Người mang tâm sân hận nặng, chắc chắn sinh đố kỵ, thủ đoạn tàn nhẫn, tạo tác nghiệp tội cực trọng, chiêu cảm quả báo địa ngục thì tự nhiên biến hiện ra cảnh giới địa ngục.

- Nghiệp nhân của ngã quý: là tham không chán, tức hưởng thụ chiếm hữu, giành giật danh vọng lợi dưỡng, nắm dục sáu trần bất chấp thủ đoạn, tâm tham sinh bòn xén, không xả cho người khác, liền biến hiện ngã quý

- Nghiệp nhân của súc sinh: là ngu si. Không có năng lực phân biệt chân vọng, không phân biệt chánh tà, thậm chí thị phi, thiện ác, lợi hại đều lẫn lộn bất phân. Người ngu si thường đem tà ác cho là việc tốt, đem chánh pháp xem thành tà pháp. Ngu si là không có trí huệ, không có năng lực phân biệt, tự nhiên sẽ rơi vào đường súc sinh.

Ba đường ác, sáu cõi luân hồi là cảm thọ từ những việc làm của chính chúng ta, không phải do sức mạnh nào đó đang chi phối, an bày hay trừng phạt, mà là chiêu cảm tự nhiên của nghiệp lực.

- Nghiệp nhân của cõi người: là luân thường mà trong Phật pháp gọi là “ngũ giới”: không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Nhà Nho Trung Quốc còn gọi là “Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín” tương đồng với nội dung ngũ giới của nhà Phật. Con người ngay trong đời, mọi sinh hoạt, lời nói việc làm đều phải tuân thủ nguyên tắc này thì mới có thể giữ được thân người trong lục đạo. Hoàn toàn không có ngẫu nhiên

- Cõi trời: phước báu của cõi trời cao hơn so với cõi người, do đó điều kiện cũng cao hơn so với cõi người. Muốn đến cõi trời phải tu mười thiện, tư tưởng hành trì phải tương ứng với mười thiện bao gồm: thân không sát sinh, trộm cắp, dâm dục; miệng không nói dối, nói hai chiều, nói lời ác, thêu dệt; ý không tham, sân, si. Ngoài ra còn pháp thiện cũng từ trong mười điều thiện này mà sinh ra. Người có thể tu mười nghiệp

thiện, kết hợp với việc giữ tứ vô lượng tâm, chắc chắn sẽ sinh thiên. Tứ vô lượng tâm là từ bi hỷ xả bao gồm: từ vô lượng, bi vô lượng, hỷ vô lượng, và xả vô lượng.

- Cõi A tu la: người tu ngũ giới mười thiện nhưng không có tứ vô lượng tâm, quả báo của họ biến thành Tu la. Không có tứ vô lượng tâm, hưởng phước rồi mê hoặc, điên đảo. Trong kinh đức Phật nói, A Tu La không đoạn được tham sân si. Dùng tâm tham sân si tu mười nghiệp thiện, tu ngũ giới, họ có phước báu lớn của trời người nhưng lại không có đức của trời người. Vì thế A tu la có tính cách hung bạo, háo thắng, đố kỵ. Chẳng hạn, người mang tâm háo thắng mạnh khi đến thấp hương ở pháp hội, họ nhất định giành thấp hương đầu tiên, không bằng lòng đứng sau người khác. Họ có tu thiện không? Có, họ cũng tu tích công đức nhưng lại háo thắng. Quả báo luôn rơi vào đường Tu la.

Đức Phật dạy chúng ta tu tâm thanh tịnh, bỏ tất đạo, tu tâm khiêm hạ, khiêm tốn nhường nhịn. Xem trong kinh Hoa Nghiêm thấy được 53 vị đồng tham, 53 vị pháp thân đại sĩ đều là Phật bồ tát. Thái độ đối nhân xử thế tiếp vật của họ rất khiêm nhường tôn kính, không một chút ý niệm ngạo mạn, không háo thắng. Học Phật đoạn ác tu thiện, tích công bồi đức. Ngạo mạn háo thắng nếu không thể sửa thì kết quả biến thành A tu la. Hướng lên trên là các thanh văn tu tứ đế, “khổ tập diệt đạo”, bậc duyên giác tu “thập nhị nhân duyên”, bồ tát tu “lục đạo”, chư Phật tu “bình đẳng”. Thanh tịnh bình đẳng chính là Phật đạo. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đem nghiệp nhân phức tạp của mười pháp giới qui nạp lại thành trọng điểm dạy cho chúng ta giúp mọi người hiểu rõ nguyên nhân của quả báo. Đây là thường thức phổ thông của việc học Phật không thể không hiểu, không thể không biết.

Công đức siêu độ mẹ được nêu trong kinh Địa tạng

Đối với khởi tâm động niệm, chúng ta sẽ tự biết tương ứng với đường nào. Không hiểu đạo lý, không biết chân tướng sự thật, làm càng làm quấy, tạo ác nghiệp đọa vào ác đạo. Dù có con hiền cháu thảo cũng khó lòng giải trừ được, hưởng hồ xã hội hiện nay người hiếu thảo càng ngày càng ít. Trong kinh Địa tạng, nữ Quang Mục, nữ Bà la môn là những hiếu tử, thấy mẫu thân tạo tác tội nghiệp, rơi vào ác đạo, họ toàn tâm toàn lực nghĩ cách cứu giúp mẹ. Tâm chân thành liền cảm động Phật bồ tát.

Cần hiểu rõ Phật bồ tát không thể cứu giúp, các ngài chỉ có thể đem phương pháp lý luận cứu giúp truyền lại cho chúng sinh. Phương pháp cứu độ chúng sinh là vô lượng vô biên, trong đó niệm Phật là phương pháp hữu hiệu nhất. Nữ Bà la môn được dạy phương pháp niệm Giác Hoa Định Như Lai, tuy không niệm Phật A Di Đà, nhưng niệm Giác Hoa Định Như Lai cũng như niệm Phật. Hiếu nữ này vì muốn cứu khổ nạn cho mẹ, cô thường khuyên nhủ nhưng mẹ cô không tin, không thể tiếp nhận, cho nên bà gặp quả báo địa ngục. Theo lời Phật dạy, cô dụng công niệm Phật bằng tâm khẩn thiết. Sau khi nỗ lực hết mình, niệm một ngày một đêm thì cô được định.

Trạng thái nhất tâm bất loạn trong niệm Phật thuộc về sự công phu rất cao. Tâm của phàm phu là tán loạn. Niệm đến nhất tâm bất loạn tương đương với A La hán của tiểu thừa, rất khó đạt được. Kinh Địa Tạng là kinh đại thừa, nữ Bà la môn không phải là A la hán của tiểu thừa nhưng công phu đoạn chướng của cô tương đương A la hán, công đức tu tích vượt lên trên A la hán, ngang hàng bồ tát. Đến cảnh giới định cô liền nhìn thấy địa ngục biến hiện ra. Trong địa ngục, quý vương gác cửa thấy cô liền cung kính gọi bồ tát và lễ phép chào hỏi. Cô liền hỏi quý vương về mẹ cô hiện ở nơi nào trong địa ngục. Quý vương chấp tay kính cẩn chúc mừng rằng nhờ cô phát nguyện siêu độ nên bà ấy đã thoát khỏi địa ngục, được sinh lên cõi trời. Cách siêu độ rất hiệu nghiệm mà không cần phải mời pháp sư đến tụng kinh, bái sám. Tự thân niệm Phật, niệm đến nhất tâm bất loạn, rồi dùng công đức này hồi hướng cho cha mẹ. Chúng ta nhất định phải thể hội chân thành. Tu hành chứng quả không dễ, tại sao nữ Bà la môn chỉ trong một ngày một đêm có thể niệm đến nhất tâm bất loạn? Nếu mẹ cô không đọa địa ngục, không bị những khổ nạn, thì cô sẽ không có động lực tha thiết niệm Phật đến vậy.

Ngày nay chúng ta niệm Phật nhiều năm tại sao ngay cả công phu cũng không đạt được hướng hồ nhất tâm bất loạn. Đó là do chúng ta không có áp lực. Chỉ khi người thân yêu rơi vào A tỳ địa ngục, chịu những khổ nạn, chúng ta mới toàn tâm toàn lực muốn cứu giúp. Đức Phật truyền trao phương pháp này, chúng ta hãy nỗ lực tu thành. Mẹ của nữ Bà la môn đã làm tăng thượng duyên cho cô, nếu bà không bị đọa địa ngục thì cô sẽ không có thành tựu này. Vậy nguồn gốc sâu xa là mẹ cô đã giúp cô, cô cũng giúp lại mẹ cô. Khi cô trở thành bồ tát, quý thần đôi đũa cung kính với mẹ cô, không thể đôi đũa như những tội nhân thông thường. Kinh nói “bảy phần công đức, mình được sáu phần”, phần còn lại hồi hướng cho thân bằng quyến thuộc. Đôi bên đều được công đức mới thật sự viên mãn.

Muốn siêu độ cho thân bằng quyến thuộc, chúng ta phải chăm chỉ tu hành, tích công lũy đức, thật tâm siêu độ. Việc tu hành thành tựu thì người thân mới được độ. Cũng như ở thế gian, muốn cho cha mẹ tự hào, thân bằng quyến thuộc và mọi người trong xã hội tôn kính, chúng ta phải thành tựu học vấn, thành tựu đức hạnh của mình. Đi đến đâu, chúng ta cũng được đặc biệt tôn trọng, quan tâm, chiếu cố. Đó chính là cảm ứng tự nhiên, là đạo lý. Khi hiểu rõ đạo lý này, lúc đó chúng ta có thể liên tưởng đến nguyên lý vừa nêu trong kinh Địa Tạng. Siêu độ nếu có công đức, có thể giúp đỡ vong gia đã tạo tác nghiệp tội.

Câu chuyện về nữ Quang Mục có chút khác biệt, công phu tu hành của cô không thù thắng như nữ Bà la môn. Cô cũng niệm Phật, trong thời gian rất ngắn đạt được cảnh giới định trong mơ. Cảnh giới trong định thù thắng hơn cảnh giới trong mộng rất nhiều. Cô có được cảnh giới trong mộng cũng được xem là thành tựu.

Chúng ta hết lòng muốn cứu người thân nên mới liều mạng dụng công tu học, thành tựu của chúng ta cũng chính là thành tựu của họ, ta không thành tựu, thì họ cũng không. Đây là nguyên tắc bất di bất dịch.

Siêu độ trong tự truyện “Cảnh trần hồi ức lục” của pháp sư Đàm Hu, Trung Quốc

Lão pháp sư Đàm Hu trong tự truyện mang tên “Cảnh trần hồi ức lục” do đệ tử của ông là Đại Quang pháp sư ghi chép lại, quyển sách này lưu thông rất phổ biến ở Đài Loan, bên trong có một đoạn nói về việc siêu độ. Vào lúc đó Đàm lão chưa xuất gia, ông xuất gia rất muộn, hơn 40 tuổi. Trước khi xuất gia, ông đã học Phật và rất dụng công. Trước lúc xuất gia ở Thiên Tân, ông cùng mấy vị đồng đạo hợp nhóm cùng nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm suốt tám năm lạnh giá. Trong số các bạn ông, có một vị họ Lưu mở tiệm thuốc Bắc cũng rất tâm đắc và lĩnh ngộ đối với kinh Lăng Nghiêm. Tuy sự công phu còn kém xa so với nữ Bà la môn và nữ Quang Mục trong kinh Địa tạng nhưng sự công phu của vị họ Lưu cũng có hiệu quả. Một buổi trưa nọ, tiệm thuốc vắng khách, buôn bán ế ẩm, ông Lưu ngủ gục trên quầy. Lúc đang ngủ, ông Lưu mộng thấy có hai người đi đến. Hai người này vốn trước đây là oan gia trái chủ của ông, họ thiếu nợ ông, và ông tìm đến họ đòi nợ. Hai người này vì không có khả năng trả nợ nên treo cổ tự tử. Sau vì việc này, ông Lưu thường cảm thấy rất khó chịu, nếu ông không tìm họ đòi nợ, thì hai người này sẽ không treo cổ. Ông luôn cảm thấy hối tiếc và ăn năn về điều đó. Bây giờ nằm mộng gặp lại họ nên ông rất sợ bị gây phiền phức. Tuy nhiên hai người này vẻ mặt hiền lành, không bày tỏ thái độ muốn đến hại ông. Cho nên ông hỏi họ: “các người đến làm gì?” Hai người trả lời: “chúng tôi đến muốn xin ông siêu độ”. Nghe đến đó, tâm ông Lưu liền được an, không lo sợ bị báo thù. Ông lại hỏi tiếp: “vậy phải siêu độ thế nào cho các người?”. Họ nói: “chỉ cần ông đồng ý là được”. Ông Lưu gật đầu: “được, tôi đồng ý”. Lập tức hai linh hồn này đập vào đầu gối và đập vào vai ông rồi được sinh lên trời.

Hai người này đi không bao lâu, lại có hai người nữa, chính là vợ con ông đã qua đời. Họ cũng đến quỳ trước mặt ông cầu xin siêu độ. Ông liền hỏi: “làm thế nào để siêu độ?”. Cũng như lần trước, ông bằng lòng và thấy hai hồn ma này đập lên đầu gối, đập vai ông mà sinh thiên. “Cảnh trần hồi ức lục” còn ghi rõ, siêu độ cần phải do chính chúng ta có công phu tu học. Không có công phu, không thể siêu độ cho người khác. Công phu của ông Lưu là tám năm lạnh giá học Lăng Nghiêm.

Nguồn gốc hình thức siêu độ quy mô lớn

Chúng ta có thể đem câu chuyện trong “Cảnh trần hồi ức lục” cùng kinh Địa Tạng hợp lại mà khẳng định, loại Phật sự siêu độ quy mô lớn thời hiện đại không hề tồn tại vào thời đức Phật. Thời gian đầu học Phật, chúng tôi cũng có nghi vấn về việc này và đã từng thưa hỏi với pháp sư Đạo An.

Năm xưa chúng tôi có mối quan hệ rất tốt với pháp sư Đạo An. Pháp sư Đạo An thành lập đại chuyên giảng tòa ở Đài Bắc, mời chúng tôi đảm nhiệm tổng chủ giảng. Chúng tôi liên lạc qua lại từ lúc ở Tông Sơn tự sau đó dời đến cạnh Thiền Đạo tự ở tầng trên của đại giảng đường hội Phật giáo. Mỗi chủ nhật chúng tôi lên lớp một lần. Khi đó học sinh rất đông, khoảng hơn 800 người, miền Bắc từ Cơ Long, miền Nam từ Tân Trúc. Đó là thời kỳ hưng thịnh của hội Phật giáo. Pháp sư Đạo An là người phụ trách kiêm chủ tịch giảng tòa. Vào lúc đó ngoài chúng tôi, còn có pháp sư Ấn Hải, pháp sư Trí Dụ cùng phụ trách dạy học. Chúng tôi đã thỉnh giáo với lão pháp sư Đạo An rằng: “việc siêu độ từ đâu mà ra?”. Ngài suy nghĩ một lúc rồi nói đại khái, căn gốc của việc siêu độ là từ vua Đường Minh Hoàng. Thời loạn An Sử, sau khi Quách Tử Nghĩa bình định động loạn, triều đình ở mỗi một chiến trường lớn kiến lập một tự miếu gọi là Khai Nguyên tự, vì xây dựng vào niên hiệu Khai Nguyên. Xây dựng tự miếu này mục đích chính là truy điệu quân dân tử nạn. Cho nên pháp hội siêu độ đó cũng giống như lễ truy điệu hiện nay. Mời một số cao tăng đại đức tụng kinh, bái sám, hồi hương, truy điệu nhằm mang ý nghĩa kỷ niệm, do quốc gia đề xướng. Sau này dân gian dần dần bắt chước theo, cũng mời pháp sư, đại đức tụng kinh, bái sám siêu độ tổ tiên.

Do đây mà biết, trước năm Khai nguyên không có việc này. Pháp hội siêu độ của Khai nguyên về sau đích thực phát triển nhưng đến nay đã hoàn toàn biến chất. Trước đây, siêu độ là việc làm phụ của tự viện, mỗi năm không quá hai lần, chủ yếu là tụng kinh thuyết pháp, dẫn chúng tu hành. Cho nên chùa miếu gọi là đạo tràng, Phật giáo ở thế gian là độ người chứ không độ quỷ, độ người sống chứ không độ người chết.

Phương thức tu học xưa và nay

Trước đây tự viện trong Tông lâm Ấn Độ nhìn chung hoạt động hai thời giảng kinh, hai thời tu hành. Người Ấn Độ xưa chia một ngày đêm thành sáu thời khắc, ba thời ban ngày gọi là sơ nhật, trung nhật, hậu nhật; ba thời ban đêm gọi là sơ dạ, trung dạ, hậu dạ. Trung Quốc xưa sử dụng mười hai thời: Tý Sửu Dần Mẹo Thìn Tỵ Ngọ Mùi... Còn hiện tại, chúng ta đang dùng đơn vị thời gian của Tây phương, tức là ngày đêm gồm hai mươi bốn tiếng. Như vậy, hai tiếng đồng hồ của phương Tây là một thời khắc của Trung Quốc, hai thời khắc của Trung Quốc mới là một thời khắc của Ấn Độ. Thời xưa, tự viện Tông lâm giảng kinh hai thời, tương đương tám tiếng đồng hồ hiện nay.

Tự viện là trường học dành cho người xuất gia và cư sĩ thường trú. Thời đó, các cư sĩ vào chùa miếu ghi danh nghe kinh. Thông thường giảng một bộ kinh phải mất ít nhất ba tháng đến một năm. Cư sĩ được đồng ý phê chuẩn có thể ở lại một năm trong tự viện, cúng dường phí dụng sinh hoạt, đồng thời làm công quả như quét nhà, dọn dẹp,... Mỗi ngày ngoài tám tiếng nghe giảng, nghiên cứu, thảo luận, còn phải tu hành. Có rất nhiều phương pháp tu hành nhưng không ngoài hai loại trọng điểm, đó là niệm Phật và tham thiền. Vì thế mà có thiền đường, niệm Phật đường. Tám tiếng học thuật, tám tiếng

tham thiền hay niệm Phật, còn lại tám tiếng để nghỉ ngơi sinh hoạt. Đạo tràng huân tu, con người không vọng tưởng, thậm chí không có thời gian để vọng tưởng, không có thời gian sinh phiền não. Hiệu quả nổi bật. Sau ba tháng ở đạo tràng, khí chất con người thay đổi.

Hiện nay, đạo tràng tự viện không còn, giải môn không có, rất ít giảng kinh, công phu. Người ta chú trọng xây Phật thất, tu sửa thiền thất, lấy việc siêu độ người chết làm chính, hoàn toàn điên đảo. Tự viện trước đây độ người sống, bây giờ Phật giáo độ người chết. Trước đây là giáo dục, bây giờ biến thành tôn giáo. Vì vậy chúng ta cần sáng suốt hiểu rõ để tiếp nhận giáo dục của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cải thiện cuộc sống, nâng cao cảnh giới của chính mình trong tương lai. Đó mới là bước đột phá. Mười pháp giới chính là mười thời, không khác nhau. Đức Phật dạy chúng ta đột phá sáu cõi, mười pháp giới mới có thể chứng được nhất chân pháp giới.

Siêu độ quy mô lớn có hiệu quả hay không?

Không thể nói không hiệu quả, quan trọng là ở người chủ pháp hay người chủ trì siêu độ này. Nếu họ có tu, có chứng, sức mạnh được khẳng định. Giống như Lương Võ Đế ngày xưa rất yêu quý một phi tử đã tạo tác nghiệp tội, bị đọa vào ác đạo. Trong văn tự Lương Hoàng Sám ghi chép rất rõ, Lương Võ Đế là đại hộ pháp của Phật môn, mời Bảo Trí công đến chủ trì pháp hội siêu độ. Bảo Trí công chính là hoá thân của Quan Thế Âm Bồ tát, ngài đem phi tử của Lương Võ Đế từ ác đạo siêu độ đến trời Đao Lợi. Vì vậy, người chủ pháp đàn cần có tu, có chứng. Thời đại ngày nay, người có tu, có chứng dường như không còn. Cả đời chúng tôi không dám làm Phật sự siêu độ vì biết mình chưa đủ năng lực, chưa đủ đức năng.

Chúng ta hiện nay thường giảng kinh niệm Phật, mặc dù chưa đạt tiêu chuẩn như thời xưa, tám giờ giảng kinh, tám giờ niệm Phật nhưng chúng ta thực tập không gián đoạn, cũng thành tựu chút ít. Mỗi năm đến kỳ thanh minh, trung nguyên, đông chí, chúng tôi tổ chức pháp hội tế tổ, cúng tế tổ tiên. Bài vị mà chúng tôi cúng là bài vị tổ tiên trăm họ, một mực bình đẳng. Không phân biệt bài vị lớn, bài vị nhỏ bao nhiêu tiền. Phật tử tùy hỷ cúng, hoàn toàn không miễn cưỡng. Pháp hội không thu phí cúng dường. Trước đây mỗi năm ba lần pháp hội. Nhưng gần đây, xã hội động loạn, người chết quá nhiều. Mỗi tháng chúng tôi làm tam thời hộ niệm một lần, thành tâm thành ý siêu độ cho tất cả oan hồn chết trong tháng. Đây là những việc Phật sự phụ thêm của đạo tràng. Hy vọng hàng xuất gia cũng như tại gia hiểu được lý luận và sự thật của việc siêu độ này để thực hiện tốt, chỉ cần tận tâm tận lực, thành tâm khẩn thiết nhất định sẽ có cảm ứng.